

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. — Nay điều chỉnh lãi suất tín dụng Ngân hàng như sau :

- Tiền gửi tối đa 3% một tháng.
- Cho vay theo lãi suất thông thường tối đa 4% một tháng.
- Cho vay theo lãi suất ưu đãi đặc biệt cho một số đối tượng do Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng quyết định 2,1% một tháng.

Căn cứ mức lãi suất quy định trên đây, Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước quy định mức lãi suất tiền gửi theo kỳ hạn và mức lãi suất cho vay cụ thể theo vị trí của sản phẩm trong nền kinh tế quốc dân, tính chất và chu kỳ sản xuất của từng ngành và theo tính chất sử dụng nguồn vốn quy định tại Quyết định số 173-CT ngày 27-6-1989 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

Điều 2. — Mức lãi suất điều chỉnh trên đây thi hành từ ngày 1 tháng 7 năm 1989.

Điều 3. — Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm các Ủy ban Nhà nước và Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng

Phó Chủ tịch
VÕ VĂN KIẾT

CHỈ THỊ của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 216-CT ngày 17-8-1989 về việc xuất khẩu kim loại phế liệu.

Gần đây một số người đã lợi dụng việc xuất khẩu kim loại phế liệu để phá thiết bị, công trình quốc phòng, đường sắt,

đường dây điện, hầm mỏ... làm kim loại phế liệu đề xuất khẩu. Tình trạng này đang xảy ra rất nghiêm trọng và gây những hậu quả xấu không lường trước được.

Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng chỉ thị :

1. Từ ngày 25-8-1989, tạm ngừng việc xuất khẩu kim loại phế liệu, bao gồm cả kim loại đen và kim loại màu, trừ những lô hàng đã xếp xuống tàu và những lô hàng đã mở LC trước ngày 25 tháng 8, những lô hàng này phải kiểm tra kỹ đúng là kim loại phế liệu mới cho xuất; Bộ Kinh tế đối ngoại ngừng cấp giấy phép xuất khẩu kim loại phế liệu.

2. Giao cho Bộ trưởng các Bộ Cơ khí và luyện kim chủ trì cùng Bộ Vật tư, Bộ Kinh tế đối ngoại và Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước :

— Năm lại toàn bộ số lượng các kim loại phế liệu đã được cấp giấy phép và đã thực hiện hợp đồng xuất khẩu; số kim loại phế liệu các ngành, địa phương, đơn vị đã thu gom được, báo cáo Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng trước ngày 30-9-1989.

— Từ nay Bộ trưởng Bộ Cơ khí và luyện kim được giao trách nhiệm xem xét cùng phối hợp với Bộ trưởng Bộ Kinh tế đối ngoại cấp giấy phép xuất khẩu các loại kim loại phế liệu, đặc biệt là phải kiểm tra thật chặt chẽ, chỉ cho xuất khẩu loại thật sự là phế liệu và trong nước không sử dụng (vì các lý do như cự ly vận tải quá xa, chủng loại và giá cả không phù hợp v.v...).

— Bộ trưởng Bộ Tài chính nghiên cứu và trình Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng ban hành gấp các biện pháp vận dụng thuế suất đối với kim loại phế liệu xuất khẩu (trong tình hình đã thay đổi tỷ giá) để bảo đảm Nhà nước thu được thuế và đơn vị xuất khẩu cũng được lãi thỏa đáng.

3. Thủ trưởng các cấp, các ngành, các đơn vị cơ sở phải tăng cường trách nhiệm quản lý chặt chẽ vật tư, thiết bị, tài sản

của mình, ngăn ngừa việc phá hoại vật tư, thiết bị, tài sản, biến chính phẩm thành phế liệu.

Các cơ quan pháp luật Công an, Viện Kiểm sát nhân dân phối hợp với các ngành, các địa phương, quân đội điều tra tìm cho ra những thủ phạm đã phá hoại thiết bị, công trình quốc phòng, hầm mỏ, đường sắt, đường dây điện... xét xử nghiêm khắc một vài vụ điển hình để giáo dục chung. Nếu không phát hiện được thì Thủ trưởng các đơn vị có thiết bị, tài sản bị phá hoại phải chịu trách nhiệm.

Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng

ĐỖ MƯỜI

QUYẾT ĐỊNH của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 218-CT ngày 18-8-1989 quy định chế độ bán ngoại tệ cho quỹ tập trung của trung ương bỏ chế độ kết hối ngoại tệ.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng các Bộ có liên quan,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Nay bỏ chế độ kết hối ngoại tệ quy định tại điều 15, điều 16 Quyết định số 177-HĐBT ngày 15-6-1985 của Hội đồng Bộ trưởng về chính sách, biện pháp đẩy mạnh xuất khẩu và tăng cường quản lý xuất nhập khẩu và thay bằng chế độ mua bán ngoại tệ.

Điều 2. — Các khoản nộp bắt buộc cho quỹ ngoại tệ tập trung của trung ương bao gồm:

— Tiền hoa hồng của dầu khí.

— Tiền thu máy bay nước ngoài bay qua bầu trời Việt Nam.

— Ngoại tệ thu thuế, các khoản tiền thuế đất, thuế tài sản của Nhà nước và lệ phí thu của các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các Văn phòng đại diện của các tổ chức ngân hàng nước ngoài ở Việt Nam và một số cơ quan đại diện khác.

— Ngoại tệ của lao động hợp tác; chuyên gia sau khi trừ phần để lại cho người lao động, và phần chi ở nước ngoài cho bộ máy quản lý tổ chức đó (trừ các trường hợp có quy định riêng của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng).

— Ngoại tệ thu của cán bộ Nhà nước công tác tại các tổ chức quốc tế hoặc các Công ty liên doanh với nước ngoài được các tổ chức này trả lương, sau khi trừ đi phần được phép hưởng.

— Khoản ngoại tệ điều tiết từ thu nhập của cán bộ nước ta đi công tác ngắn ngày ở nước ngoài được nước ngoài đài thọ.

— Ngoại tệ thu giữ do phạm pháp tại các cửa khẩu, trong các vụ án do Công an, Hải quan sau khi đã được xử lý.

— Các khoản tiền phạt và thu hồi do phía nước ngoài trả liên quan tới chủ quyền lãnh thổ và tài sản của ta.

— v.v...

Điều 3. — Tất cả các đơn vị sản xuất kinh doanh xuất khẩu và dịch vụ (kể cả xuất khẩu và dịch vụ trong nước thu ngoại tệ) thuộc các ngành, các thành phần kinh tế của trung ương và địa phương phải bán ngoại tệ thu được cho quỹ tập trung của trung ương.

Tỷ lệ bán ngoại tệ không quy định đồng loạt mà được xác định theo các nguyên tắc sau đây: